

Princess Alice *Vương nương Andrew của Hy Lạp và Đan Mạch*



Thông tin chung Phu quân Vương tử Andrew

của Hy Lạp và Đan Mạch Hậu duệ

- Margarita, Vương phi xứ Hohenlohe-Langenburg
- Theodora, Bà Bá tước xứ Baden
- Cecilie, Bà Đại Công Thế tử xứ Hesse và Rhine
- Sophie, Vương nương George xứ Hannover
- Prince Philip, Công tước Edinburgh

Tên đầy đủ Victoria Alice Elizabeth Julia Marie Hoàng tộc Nhà Battenberg (khi sinh) Nhà Glücksburg (kết hôn) Thân phụ Louis của Battenberg Thân mẫu Công chúa Victoria xứ Hesse và Rhine Sinh (1885-02-25) 25 tháng 2, 1885

Lâu đài Windsor, Berkshire, nước Anh Mất 5 tháng 12, 1969 (1969-12-05) (84 tuổi)

Cung điện Buckingham, London, nước Anh An táng Nhà thờ thánh Maria Madalena (từ 1988)



Công tôn nữ Alice xứ Battenberg (*Victoria Alice Elizabeth Julia Marie*; 25 tháng 2 năm 1885 – 5 tháng 12 năm 1969), được biết đến là mẹ của Prince Philip – chồng của Nữ vương Elizabeth II.

Alice được sinh ra tại Lâu đài Windsor trước sự chứng kiến của Nữ vương Victoria và cũng là bà cố của bà. Bà ngoại bà, Vương nữ Alice của Vương quốc Anh, là người con gái mà Nữ vương Victoria yêu quý nhất. Dù được nhận xét là xinh đẹp, song Alice bị điếc bẩm sinh. Khi trưởng thành, Alice lớn lên ở Vương quốc Anh, sau là Đế quốc Đức và vùng Vịnh của Địa

Trung Hải. Là thành viên của gia tộc Battenberg, một nhánh của nhà Hesse-Darmstadt, Alice là công tôn nữ của Đại Công quốc Hesse.

Năm 1903, bà kết hôn với Vương tử Andrew của Hy Lạp và Đan Mạch, một người con của George I của Hy Lạp. Do Andrew không có tước phong độc lập, Alice được biết đến chính thức trong triều là **[Vương nương Andrew của Hy Lạp và Đan Mạch; Princess Andrew of Greece and Denmark]**, dẫu vậy bà vẫn hay được gọi là **Vương nương Alice của Hy Lạp và Đan Mạch**^[1]. Bà trải qua cuộc sống ở Hy Lạp cho đến khi gia đình vương thất bị giải thể vào năm 1917, và dù năm sau đó gia đình bà đã có thể trở về Hy Lạp, nhưng Vương tử Andrew lại dính nghi án khiến Hy Lạp thất bại trong Chiến tranh Hy Lạp – Thổ Nhĩ Kỳ (1919 – 1922), gia đình bà một lần nữa bị lưu đày cho đến khi xảy ra sự kiện Khôi phục nền quân chủ Hy Lạp năm 1936. Năm 1930, Alice bị chẩn đoán mắc chứng tâm thần phân liệt và bị đưa vào một trại điều trị ở Thụy Sĩ, và từ đó bà gần như ly thân với chồng mình. Sau khi hồi phục, Alice dành quãng đời còn lại của mình vào việc từ thiện và cứu trợ tại Hy Lạp, và sống tại Athens suốt Thế chiến thứ hai. Trong Thế chiến, bà nổi tiếng vì cứu giúp những người tị nạn gốc Do Thái, một hành động khiến bà được vinh danh huy chương *Người dân ngoại công chính* bởi Yad Vashem, trở thành một hình tượng đầy nhân văn trong mắt người Do Thái qua việc tưởng nhớ nạn nhân của nạn diệt chủng Holocaust.

Sau chiến tranh, bà thành lập một Nhà thờ Chính Thống giáo phương Đông, nơi chấp nhận những Nữ tu và được biết đến là *[Christian Sisterhood of Martha and Mary]*. Khi sự kiện Chính quyền quân sự Hy Lạp diễn ra năm 1967, bà được con trai là Vương tể Philip và con dâu là Nữ vương Elizabeth mời đến Anh, nơi mà bà sống yên ổn và lặn lội qua đời 2 năm sau đó.

Thời thơ ấu [sửa | sửa mã nguồn]

Princess Alice xứ Battenberg (Victoria Alice Elizabeth Julia Marie; 25 tháng 2 năm 1885 – 5 tháng 12 năm 1969) được sinh ra tại Lâu đài Windsor trước sự chứng kiến của Nữ vương Victoria^[2]. Cha bà là Prince Louis xứ Battenberg, mẹ bà là Princess Victoria xứ Hesse và sông Rhine (cháu ngoại Nữ vương Victoria), do đó, Princess Alice vừa là thành viên của nhà Battenberg vừa là thành viên của nhà Windsor, là cháu cố của Nữ vương Victoria.

Các em trai và em gái của bà bao gồm Louise, George, và Louis, sau này là Vương hậu Thụy Điển, Hầu tước xứ Milford Haven, và Bá tước Mountbatten xứ Burma. Mẹ của Alice nhận thấy bà học nói khá chậm và càng quan tâm hơn về vấn đề này bởi cách phát âm không rõ ràng của bà. Cuối cùng, bà nội bà là Julia, Princess xứ Battenberg, nhận ra vấn đề và đưa bà đến gặp một bác sĩ chuyên về tai, Alice được chẩn đoán bị điếc bẩm sinh. Nhận được sự khích lệ từ mẹ, Alice học tiếng Anh và tiếng Đức. Ngoài ra, bà được dạy tiếng Pháp bởi giáo viên riêng. Sau khi đính hôn, bà còn học thêm tiếng Hy Lạp. Bà làm phù dâu trong lễ cưới của Prince George (sau này là Quốc vương George V) và Princess Mary xứ Teck vào năm 1893. Bà đã tham dự tang lễ của bà cố, Nữ vương Victoria, tại Nhà nguyện Thánh George, Lâu đài Windsor một vài tuần trước sinh nhật thứ mười sáu.

Hôn nhân [sửa | sửa mã nguồn]

Alice gặp Vương tử Andrew của Hy Lạp và Đan Mạch, con trai thứ tư của Quốc vương George I của Hy Lạp và Vương hậu Olga, trong lễ đăng quang của Quốc vương Edward VII vào năm 1902. Cặp đôi kết hôn vào ngày 6 tháng 10 năm 1903 tại Darmstadt. Bà nhận thêm tước hiệu của chồng, trở thành **[Vương nương Andrew của Hy Lạp và Đan Mạch]**. Sau khi kết hôn, Vương tử Andrew tiếp tục sự nghiệp của mình trong quân đội và Vương nương Andrew bắt đầu tham gia vào các công việc từ thiện. Năm 1908, bà đến Đế quốc Nga để tham dự lễ cưới của Nữ Đại Công tước Maria Pavlovna của Nga với Prince William của Thụy Điển. Tại đây, bà có dịp trò chuyện với người dì, Bà Đại Công tước Elizabeth Feodorovna, người bị ám sát đúng

mười năm sau đó cùng với các thành viên nhà Romanov.

Trong chiến tranh [sửa | sửa mã nguồn]

Trong Thế chiến II, Vương nương Andrew bị đưa vào thế khó khi có con rẻ chiến đấu bên phía Đức và con trai chiến đấu trong Hải quân Vương thất Anh. Bà và chị dâu, Vương nương Nicholas của Hy Lạp, sống ở Athens trong suốt thời gian của cuộc chiến, trong khi hầu hết vương thất Hy Lạp sống lưu vong ở Nam Phi. Alice làm việc cho Hội Chữ thập đỏ, trong đó công việc của bà là giúp tổ chức nấu súp cho người dân và lấy lý do đến thăm em gái Louise để tới Thụy Điển mang về các dụng cụ y tế.. Bà lập ra chỗ ẩn nấu cho trẻ mồ côi và chôn cất trẻ em thiệt mạng trong chiến tranh, ngoài ra bà còn xây dựng nhà tình thương cho dân nghèo. Khi Athens được giải phóng vào tháng 10 năm 1944, Harold Macmillan đã đến thăm Vương nương Andrew và mô tả bà "sống trong điều kiện khiêm tốn, nếu không nói là hơi bần thiêu". Trong một lá thư gửi con trai, bà thừa nhận rằng trong tuần cuối cùng trước khi giải phóng, bà không có thức ăn nào ngoài bánh mì và bơ, thậm chí không có thịt ăn trong vài tháng. Đến đầu tháng 12, tình hình ở Athens vẫn không được cải thiện, du kích cộng sản (ELAS) lúc bấy giờ đang chiến đấu với quân đội Anh để kiểm soát thủ đô. Khi cuộc chiến vẫn tiếp diễn, Alice nhất quyết đi ra đường phân phát khẩu phần ăn cho cảnh sát và trẻ em, mặc kệ lệnh giới nghiêm. Năm 1947, Vương nương Andrew trở về Anh để tham dự lễ cưới của người con trai duy nhất, Vương tôn Philip, với Vương nữ Elizabeth, trưởng nữ và Trữ quân của Quốc vương George VI. Trước đó, vì lý do tài chính hạn hẹp, Philip đã đến xin mẹ giúp đỡ và Alice đã trao lại cho con trai chiếc vương miện của bà. Philip đã lấy 6 viên kim cương trên vương miện để thiết kế nhẫn cầu hôn Elizabeth. Trong ngày cưới, Vương nương Andrew ngồi hàng đầu bên phía gia đình của mình ở phía Bắc của Tu viện Westminster, đối diện với Quốc vương George VI, Vương hậu Elizabeth và Thái hậu Mary. Các con gái của bà không được mời đến lễ cưới vì tinh thần bài trừ Đức sau Thế chiến II.

Vào tháng 1 năm 1949, Vương nương Andrew thành lập dòng điều dưỡng nữ tu Chính thống Hy Lạp, nữ tu Thiên chúa giáo của Martha và Mary, lấy hình mẫu từ tu viện mà di của bà, Bà Đại Công tước Elizabeth Feodorovna, đã thành lập ở Nga vào năm 1909. Ngày 2 tháng 6 năm 1953, Vương nương Andrew tham dự lễ đăng quang của con dâu, Nữ vương Elizabeth II, tại Tu viện Westminster. Bà mặc một bộ lễ phục xám và đội khăn trùm đầu theo phong cách nữ tu.

Xưng hiệu vinh danh [sửa | sửa mã nguồn]

Tước hiệu và cách xưng hô [sửa | sửa mã nguồn]

- **25 tháng 2 năm 1885 – 6 tháng 10 năm 1903:** *Her Serene Highness* Công tôn nữ Alice xứ Battenberg^[3]
- **6 tháng 10 năm 1903 – 5 tháng 12 năm 1969:** *Her Royal Highness* Vương nương Andrew của Hy Lạp và Đan Mạch
- Từ năm 1949 đến khi mất, đôi khi bà được gọi là ***Mother Superior Alice-Elizabeth***

Huy chương [sửa | sửa mã nguồn]

-  *Dame Grand Cross* của Order of Saints Olga and Sophia (1903)^[4]
-  Royal Red Cross (1913)
-  Dame của Order of Queen Maria Luisa (9 tháng 4 năm 1928)^[5]

Truy tặng:

-  Người dân ngoại công chính (1993)

Tổ tiên [sửa | sửa mã nguồn]

Tổ tiên của Alice xứ Battenberg 8. Louis II, Đại Công tước xứ Hesse và Rhine ^[8] 4. Công tử Alexander của Hesse và Rhine ^[6] 9. Công chúa Wilhelmine của Baden ^[8] 2. Vương tử Louis của Battenberg 10. Bá tước John Maurice Hauke ^[9] 5. Nữ Bá tước Julia Hauke ^[6] 11. Sophie Lafontaine ^[9] 1. **Công chúa Alice xứ Battenberg** 12. Công tử Charles của Hesse và Rhine ^[10] 6. Louis IV, Đại Công tước xứ Hesse và Rhine ^[7] 13. Công chúa Elisabeth của Phổ ^[10] 3. Công chúa Victoria xứ Hesse và Rhine 14. Prince Albert xứ Saxe-Coburg và Gotha ^[7] 7. Công chúa Alice của Liên hiệp Anh ^[7] 15. Victoria của Liên hiệp Anh ^[7]

Hậu duệ [sửa | sửa mã nguồn]

Chú thích [sửa | sửa mã nguồn]

- [^] Danh hiệu *Princess* của tiếng Anh có thể ám chỉ một Princess độc lập, tức là con gái một vị Vua (không tính tước hiệu như thế nào), tương đương với Công chúa, hoặc một nghĩa khác là vợ của một Prince. Ở đây Alice vừa có cả hai, nên [*Princess Alice*] có hai nghĩa
- [^] Vickers, p. 2
- [^] Ruvigny, p. 71
- [^]

Montgomery-Massingberd, Hugh biên tập (1977), *Burke's Royal Families of the World*, 1st edition, London: Burke's Peerage, tr. 214, ISBN 0-85011-023-8

- [^] “Real Orden de la Reina Maria Luisa: Damas extranjeras”, *Guía Oficial de España* (bằng tiếng Tây Ban Nha), Madrid: Sucesores de Rivadeneyra, 1930, tr. 238
- [^] ^{*aa*} Battenberg family tại *Encyclopædia Britannica* (**tiếng Anh**)
- [^] ^{*aaa*} Weir, Alison (1996), *Britain's Royal Families: The Complete Genealogy*, London: Pimlico, tr. 305–307, ISBN 0-7126-7448-9
- [^] ^{*aa*} Metnitz, Gustav Adolf (1953), “Alexander”, *Neue Deutsche Biographie (NDB)* (bằng tiếng Đức), **1**, Berlin: Duncker & Humblot, tr. 192; (full text online)
- [^] ^{*aa*} Franz, E. G. (2005), *Das Haus Hessen: Eine europäische Familie*, Stuttgart: Kohlhammer, tr. 164–170, ISBN 978-3-17-018919-5, OCLC 76873355
- [^] ^{*aa*} Franz, Eckhart G. (1987), “Ludwig IV.”, *Neue Deutsche Biographie (NDB)* (bằng tiếng Đức), **15**, Berlin: Duncker & Humblot, tr. 398–400; (full text online)

Tham khảo [sửa | sửa mã nguồn]

- Bradford, Sarah (1989), *King George VI*, London: Weidenfeld and Nicolson, ISBN 0-297-79667-4
- Clogg, Richard (1979), *A Short History of Modern Greece*, Cambridge: Cambridge University Press, ISBN 0-521-22479-9
- Eilers, Marlene A. (1987), *Queen Victoria's Descendants*, Baltimore, Maryland: Genealogical Publishing Co.
- Macmillan, Harold (1984), *War Diaries*, London: Macmillan, ISBN 0-333-39404-6
- Ruvigny, Marquis of (1914), *The Titled Nobility of Europe*, London: Harrison and Sons
- Van der Kiste, John (1994), *Kings of the Hellenes*, Stroud, Gloucestershire, England: Alan Sutton Publishing, ISBN 0-7509-0525-5
- Vickers, Hugo (2000), *Alice, Princess Andrew of Greece*, London: Hamish Hamilton, ISBN 0-241-13686-5
- Woodhouse, C. M. (1968), *The Story of Modern Greece*, London: Faber and Faber

- Ziegler, Philip (1985), *Mountbatten*, London: Collins, ISBN 0-00-216543-0
Tiêu đề chuẩn 
- BNF: cb14976097c (data)
- GND: 131723693
- ISNI: 0000 0000 4691 6656
- LCCN: n2001032460
- NLG: 290482
- VIAF: 55288195
- WorldCat Identities: lccn-n2001032460

<https://fifa4.net/>

Bài viết [Alice xứ Battenberg là gì? Tìm hiểu về Alice xứ Battenberg – Wikipedia](#) đã xuất hiện đầu tiên vào ngày [FIFA ONLINE 4](#).

Nguồn: FIFA ONLINE 4

<https://fifa4.net/alice-xu-battenberg-la-gi-tim-hieu-ve-alice-xu-battenberg-wikipedia/>

Xem thêm tại:

https://drive.google.com/drive/folders/1-0bVOVvGLHaDfWs3B_LKIlgWNYqgo9pF